

**TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
VIỆT NAM**

Số: 321 /TLĐ

V/v triển khai các văn bản mới của
Chính phủ và Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2020

- Kính gửi:
- Các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; Công đoàn ngành Trung ương và tương đương; Công đoàn Tổng Công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn;
 - Các đơn vị kinh tế, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng Liên đoàn;
 - Trung tâm quản lý các dự án Tổng Liên đoàn.

Triển khai Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ; Công văn số 9488/BTC-HCSN ngày 07/8/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

Để triển khai những chính sách, hướng dẫn của Chính phủ nhằm giúp các cơ quan, tổ chức, đơn vị tháo gỡ khó khăn trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và hướng dẫn chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam sao gửi và đề nghị các đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn nghiên cứu và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện. *✍*

Nơi nhận: *✍*

- Như trên;
- Đ/c PCT phụ trách;
- Lưu BTC, VP TLĐ.

**TL. ĐOÀN CHỦ TỊCH
KT. TRƯỞNG BAN TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG BAN**



✍ Nguyễn Minh Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *22* /2020/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày *10* tháng *8* năm 2020

VĂN PHÒNG TLĐ. LĐVN	
ĐẾN	Số: <i>15630</i>
	Ngày: <i>17</i> - <i>08</i> - 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giảm tiền thuê đất của năm 2020 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định giảm tiền thuê đất theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc giảm tiền thuê đất theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 15 ngày trở lên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 (sau đây gọi là người thuê đất).

2. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ giảm tiền thuê đất; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Mức giảm tiền thuê đất

Giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với người thuê đất quy định tại Điều 2 Quyết định này; không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2020 và tiền chậm nộp (nếu có).

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp người thuê đất có nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau nhưng chỉ ngừng một hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu đất, thửa đất đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp.

Điều 4. Hồ sơ giảm tiền thuê đất

1. Giấy đề nghị giảm tiền thuê đất năm 2020 của người thuê đất theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Người thuê đất chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin và đề nghị giảm tiền thuê đất của mình, đảm bảo đúng đối tượng được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

2. Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao).

Điều 5. Trình tự, thủ tục giảm tiền thuê đất

1. Người thuê đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất (bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác) cho cơ quan thuế, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, cơ quan khác

theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020; trường hợp nộp hồ sơ từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 trở về sau thì không được giảm tiền thuê đất theo quy định này Quyết định này.

2. Căn cứ hồ sơ giảm tiền thuê đất do người thuê đất nộp theo quy định khoản 1 Điều này; không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Quyết định này, cơ quan có thẩm quyền xác định số tiền thuê đất được giảm và ban hành Quyết định giảm tiền thuê đất theo quy định tại pháp luật về thu tiền thuê đất.

3. Trường hợp người thuê đất đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định giảm tiền thuê đất theo quy định của Quyết định này nhưng sau đó phát hiện qua thanh tra, kiểm tra việc người thuê đất không thuộc trường hợp được giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này thì người thuê đất phải hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thuê đất đã được giảm và tiền chậm nộp tính trên số tiền được giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Trường hợp người thuê đất đã nộp tiền thuê đất của năm 2020 mà sau khi cơ quan có thẩm quyền xác định và quyết định giảm tiền thuê đất có phát sinh thừa tiền thuê đất thì được trừ số tiền đã nộp thừa vào tiền thuê đất của kỳ sau hoặc năm tiếp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan; trường hợp không còn kỳ phải nộp tiền thuê đất tiếp theo thì thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả số tiền nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

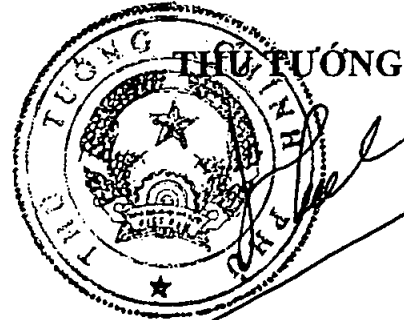
2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai và xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương khẩn trương triển khai thực hiện việc giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định này.

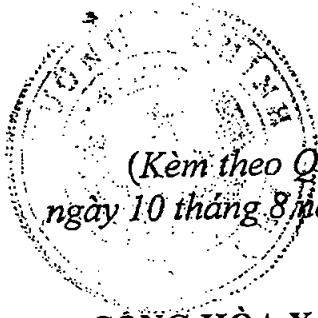
4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý Ttg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: Văn thư, NN. 110



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục
(Kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT NĂM 2020

Kính gửi: Cơ quan

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Địa chỉ:

[04] Số điện thoại:

[05] Tên đại lý thuế (nếu có):

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[07] Địa chỉ khu đất thuê:.....

- Quyết định thuê đất số, ngày.....

- Hợp đồng thuê đất số, ngày.....

[08] Thời gian (số ngày) và ngày, tháng cụ thể phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch Covid-19.....

[09] Các thông tin liên quan khác (nếu có):.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày tháng năm 2020

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP
PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9488/BTC-HCSN

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2020

V/v hướng dẫn chi trả phí
dịch vụ thanh toán không
dùng tiền mặt

Kính gửi:

VĂN PHÒNG TLĐ. LĐVN	
ĐẾN	Số: 15706
	Ngày: 18 - 08 - 2020

- Các cơ quan thuộc Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Hội, cơ quan đoàn thể ở Trung ương.

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam;

Căn cứ quy định tại các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ các Thông tư: Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 9/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị

định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán, chi trả các khoản chi phí phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thì phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt được coi là một khoản chi phí phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí hoạt động để thanh toán phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt căn cứ vào hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định. Trường hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ/kinh phí không thường xuyên nếu có sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt: Các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí tương ứng đã bố trí cho các nhiệm vụ chi để thanh toán phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt căn cứ vào hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định.

Việc hạch toán, quyết toán kinh phí chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt vào các lĩnh vực chi tương ứng theo quy định hiện hành.

2. Ngoài ra, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước; tại Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 13/2017/TT-BTC) và Điều 10 Thông tư số 13/2017/TT-BTC quy định các khoản phí, trong đó có quy định về thanh toán các khoản phí liên quan đến sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của ngân hàng, phí mở và duy trì tài khoản thanh toán của đơn vị tại ngân hàng thương mại....Do vậy, đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thanh toán phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định nêu trên.

Bộ Tài chính hướng dẫn để các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương nghiên cứu thực hiện theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- KBNN;
- Vụ PC, Vụ NSNN;
- Vụ CST, KHTC;
- Lưu: VT, Vụ HCSN (250b). *OP*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn